

Số: ~~3824~~ /TCT-CS
V/v dịch vụ xuất khẩu.

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2009

Kính gửi: - Cục thuế thành phố Hà Nội;
- Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng cục Thuế nhận được công văn của một số doanh nghiệp hỏi về điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với dịch vụ xuất khẩu. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau:

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định mức thuế suất 0% áp dụng đối với dịch vụ xuất khẩu và quy định:

"b) Đối với dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.

Tổ chức ở nước ngoài là tổ chức không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam.

Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ.

Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ".

Tại Điều 2 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP nêu trên quy định: "Quy định về cơ sở thường trú và đối tượng không cư trú tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật thuế thu nhập cá nhân".

Tại điểm 1.4 phần A Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn:

"Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mang lại thu nhập, bao gồm:

- Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, hầm mỏ, mỏ dầu, khí hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam;

- Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;

- Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hay một tổ chức, cá nhân khác;

- Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài;

- Đại diện tại Việt Nam trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.

Trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó”.

Tại điểm 2.1.1 mục II phần B Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam định nghĩa cơ sở thường trú như sau:

”2.1.1.1. Theo quy định tại Hiệp định, “cơ sở thường trú” là một cơ sở kinh doanh cố định của một doanh nghiệp, thông qua đó, doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

Một doanh nghiệp của Nước ký kết được coi là có cơ sở thường trú tại Việt Nam nếu hội đủ ba điều kiện dưới đây:

a) Duy trì tại Việt Nam một “cơ sở”, ví dụ như một toà nhà, một văn phòng hoặc một phần của toà nhà hay văn phòng đó, một phương tiện hoặc thiết bị,...; và

b) Cơ sở này có tính chất cố định, nghĩa là được thiết lập tại một địa điểm xác định và/hoặc được duy trì thường xuyên. Tính cố định của cơ sở kinh doanh không nhất thiết phụ thuộc vào việc cơ sở đó phải được gắn liền với một vị trí địa lý cụ thể trong một độ dài thời gian nhất định; và

c) Doanh nghiệp tiến hành toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở này.

2.1.1.2. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ được coi là tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua một cơ sở thường trú tại Việt Nam trong các trường hợp chủ yếu sau đây:

....

d) Doanh nghiệp đó có tại Việt Nam một đại lý môi giới, đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác, nếu các đại lý đó dành toàn bộ hoặc đa phần hoạt động của mình cho doanh nghiệp đó (đại lý phụ thuộc)”.

Tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP nêu trên quy định: Dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% phải đáp ứng điều kiện:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện cung ứng dịch vụ cho tổ chức ở nước ngoài; tổ chức ở nước ngoài là tổ chức không có cơ sở thường trú ở Việt Nam, không phải là người nộp thuế GTGT ở Việt Nam và đáp ứng các quy định về cơ sở thường trú thì dịch vụ cung ứng được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được điều kiện về hợp đồng và thanh toán qua ngân hàng theo quy định.

Tổng cục Thuế trả lời đề các Cục thuế biết và đề nghị kiểm tra thực tế đáp ứng điều kiện của từng trường hợp cụ thể đối chiếu với quy định của pháp luật để giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty CPTM Hướng Nhật (P2, Tầng 3, Toà nhà HAREC, 4A Láng Hạ, Hà Nội) (thay trả lời);
- Công ty TNHH Li&Fung Việt Nam (Phòng 1601, Toà nhà Harbour View, 35 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Q.1, TPHCM) (thay trả lời);
- Công ty CP vận tải biển Sài Gòn (9 Nguyễn Công Trứ, Q1, TPHCM) (thay trả lời);
- Ban PC;
- Lưu: VT, CS(4).M

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Phạm Duy Khương

09611242